

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2017/QĐ-UBND

An Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu, mức trích để lại cho tổ chức thu phí và bố trí sử dụng nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 06 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trích để lại cho tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; bố trí sử dụng nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1115/TTr-STC ngày 01 tháng 8 năm 2017.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức thu, mức trích để lại cho tổ chức thu phí và bố trí sử dụng nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn tỉnh An Giang.

### **Điều 2. Mức thu phí**

1. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ các tổ chức, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng (trừ hộ gia đình quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 5 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ) thì mức phí được xác định theo từng người sử dụng nước căn cứ vào số lượng nước sử dụng bình quân của một người trong xã, phường, thị trấn nơi khai thác và giá bán 1 m<sup>3</sup> nước sạch trung bình tại xã, phường, thị trấn.

2. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

### **Điều 3. Mức trích để lại cho tổ chức thu phí và bố trí sử dụng nguồn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**

#### **1. Đối với nước thải sinh hoạt:**

a) Đơn vị cung cấp nước sạch được trích để lại 5% (năm phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí;

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được trích để lại 25% (hai mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

#### **2. Đối với nước thải công nghiệp:**

Cơ quan thu phí được để lại 25% (hai mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí (điều tra, thống kê, rà soát, phân loại, cập nhật, quản lý đối tượng chịu phí); trang trải chi phí đo đạc, đánh giá, lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải phục vụ cho việc thẩm định tờ khai phí, quản lý phí; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với nước thải công nghiệp.

3. Phần còn lại, sau khi trừ số tiền phí được trích để lại theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, tổ chức thu phí nộp vào ngân sách địa phương để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường; bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ bảo vệ môi trường địa phương để sử dụng cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải. Tỷ lệ bố trí như sau:

a) Ngân sách tỉnh: 50%;

b) Ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 50%.

4. Hàng năm, cơ quan thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải có trách nhiệm thông tin công khai số phí mà người dân, doanh nghiệp đã nộp của năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo địa phương, Đài phát thanh địa phương, trang thông tin điện tử của cơ quan thu phí và các hình thức phù hợp khác để người dân và doanh nghiệp được biết.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

**Điều 5.** Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành (nếu có).

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2017.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Lê Văn Nung**